

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI – THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tuấn Kiệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đen.

2. Bà Võ Thị Kim Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 247/2022/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2022 về việc *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 643/2023/QĐXX-ST ngày 15 tháng 12 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2024/QĐST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP ĐC VN**

Địa chỉ: 22 Ngô Quyền, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Cảnh K, ông Trần Phương Kh. (Giấy ủy quyền số 2713/UQ-PVB ngày 22/10/2021)

Địa chỉ: Lầu 6, 131 Trần Hưng Đạo, phường An Phú, quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ

- Bị đơn: Ông **Lê Văn S**, sinh năm 1958. Vắng mặt

Bà **Trần Thị D**, sinh năm 1959 (đã chết, trích lục khai tử số 48/TLKT-BS ngày 24/01/2022)

Cùng địa chỉ: số 139, ấp ĐT A, xã ĐB, huyện Thới Lai, TP Cần Thơ.

- Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Trần Thị D:

1. Ông Lê Văn S, sinh năm 1958. Vắng mặt

2. Chị Lê Thị L, sinh năm 1983. Vắng mặt

3. Anh Lê Bình T, sinh năm 1988. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày và yêu cầu:

Vào ngày 06/3/2017 ông Lê Văn S, bà Trần Thị D và Ngân hàng TMCP ĐC VN – chi nhánh Tây Đô – Phòng giao dịch Cờ Đỏ đã ký Hợp đồng cho vay số 103/2017/HĐTD/PVB-PGDCĐ cùng khế ước nhận nợ số 103/2017/KUNN/PVB-

PGDCĐ ngày 07/3/2017 để vay số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), thời hạn vay 12 tháng, trả lãi hàng tháng, trả nợ gốc cuối kỳ.

Để đảm bảo khoản vay, ông S và bà D đã ký với Ngân hàng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 103/2017/HĐBĐ/PVB-PGDCĐ ngày 06/3/2017 để thế chấp 06 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quá trình thực hiện hợp đồng và Khế ước nhận nợ, ông S và bà D đã trả được một phần nợ gốc và lãi số tiền 53.065.277 đồng. Sau đó, bị đơn không tiếp tục trả nợ, Ngân hàng đã nhiều lần gửi thông báo, công văn và làm việc trực tiếp nhưng ông S và bà D không trả được nợ.

Do không trả được nợ, Ngân hàng đã có thông báo đến ông S, bà D và đã tiến hành các thủ tục bán đấu giá tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Sau khi bán các tài sản thế chấp thì Ngân hàng đã thu về số tiền nợ gốc là 494.836.444 đồng, nợ lãi 53.074.528 đồng, tổng cộng 547.910.972 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông Lê Văn S và những người thừa kế của bà D trả số tiền tính ngày 31/01/2024 bao gồm: Nợ gốc là 5.163.556 đồng, nợ lãi trong hạn 3.194.445 đồng, lãi quá hạn 271.070.902 đồng, lãi chậm trả 2.246.250 đồng, tổng cộng 281.675.153 đồng (hai trăm tám mươi một triệu sáu trăm bảy mươi lăm ngàn một trăm năm mươi ba đồng).

Yêu cầu bị đơn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo Hợp đồng cho vay số 103/2017/HĐTD/PVB-PGDCĐ và Khế ước nhận nợ số 103/2017/KUNN/PVB-PGDCĐ ngày 07/3/2017 đến khi trả xong nợ.

Tại biên bản hòa giải ngày 18/8/2023 ông Lê Văn S trình bày như sau: Vào năm 2017 ông và vợ là bà Trần Thị D có vay của Ngân hàng TMCP ĐC VN – chi nhánh Tây Đô – phòng giao dịch Cờ Đỏ số tiền 500.000.000 đồng. Ông cũng có ký hợp đồng thế chấp 06 giấy chứng nhận QSD đất với Ngân hàng. Từ khi vay ông cũng chưa trả được nợ gốc, nợ lãi ông trả được số tiền 53.074.528 đồng như Ngân hàng trình bày.

Nay Ngân hàng kiện thì ông mới biết tài sản của ông thế chấp đã bị Ngân hàng bán đấu giá. Ông thừa nhận số nợ gốc 500.000.000 đồng và tiền lãi khoảng 300.000.000 đồng, tổng cộng trên dưới 800.000.000 đồng. Nhưng ông không đồng ý với việc Ngân hàng tự ý lấy tài sản thế chấp bán đấu giá vì ông không được Ngân hàng thông báo. Phần đất hiện tại ông cũng đang canh tác, sử dụng.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, do bị đơn không trả được nợ nên nguyên đơn đã căn cứ vào Điều 6 của Hợp đồng cho vay số 103/2017/HĐTD/PVB-PGDCĐ ngày 06/3/2017 và Điều 7 Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21/6/2017 về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng để xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ vay. Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên số tiền nợ gốc Ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 07/3/2018. Nguyên đơn đã tiến hành các thủ tục bán đấu giá toàn bộ tài sản thế chấp, tổng số tiền thu về từ việc bán đấu giá tài sản là 546.000.000 đồng, sau khi trừ các chi phí bán đấu giá, thù lao thì còn lại số tiền 494.836.444 đồng Ngân hàng thu trừ vào số tiền nợ gốc.

Bị đơn, người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Trần Thị D vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét thấy đối với việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền còn nợ là 280.683.150 đồng (trong đó nợ gốc là 5.163.556 đồng; Nợ lãi là 275.519.594 đồng). Căn cứ theo nội dung của hợp đồng vay tài sản, hợp đồng thế chấp tài sản, khế ước nhận nợ, kết quả bán đấu giá tài sản và xử lý nợ của ngân hàng cung cấp và lời trình bày của bị đơn về việc bị đơn thừa nhận có ký hợp đồng vay tiền của Ngân hàng số tiền 500.000.000 đồng. Số tiền gốc và lãi tính đến thời điểm hiện tại là khoản 800.000.000 đồng nhưng chưa thi hành trả được khoản tiền nào. Vì vậy việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền còn nợ là 280.683.150 đồng (trong đó nợ gốc là 5.163.556 đồng; Nợ lãi là 275.519.594 đồng) là có căn cứ chấp nhận.

Đối với việc bị đơn trình bày không đồng ý với việc Ngân hàng đã tự ý tiến hành tổ chức bán đấu giá các tài sản của ông Lê Văn S và bà Trần Thị D đã thế chấp cho Ngân hàng để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ và không đồng ý trả số tiền còn nợ là 280.683.150 đồng với lý do Ngân hàng đã bán tài sản để trừ nợ.

Tuy nhiên, qua nghiên cứu nội dung hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng và bị đơn đã ký kết có thỏa thuận nội dung như sau: “*Ngân hàng có quyền bán, chuyển nhượng tài sản thế chấp để thu hồi nợ mà không cần có sự đồng ý của bên thế chấp....*”, và việc thỏa thuận trên không vi phạm quy định tại Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc Hội về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng. Đồng thời, bị đơn không có đơn yêu cầu phản tố đối với việc ngân hàng bán tài sản để xử lý nợ nên không xem xét giải quyết đối với việc Ngân hàng bán tài sản để xử lý nợ.

Từ những phân tích trên, căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 92, khoản 6 Điều 95 BLTTDS 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn là ông Lê Văn S và bà Trần Thị D (đã chết) có người thừa kế quyền, nghĩa vụ là bà Lê Thị L và ông Lê Bình T có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 280.683.150 đồng (trong đó nợ gốc là 5.163.556 đồng; Nợ lãi là 275.519.594 đồng) và lãi phát sinh. Về án phí, do bị đơn là người trên 60 tuổi nên được miễn án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP ĐC VN yêu cầu ông Lê Văn S, bà Trần Thị D thanh toán số tiền vay còn nợ và lãi theo Hợp đồng cho vay số 103/2017/HĐTD/PVB-PGDCĐ ngày 06/3/2017.

Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, bị đơn cư trú tại xã Định Môn, huyện Thới Lai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai theo điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ bị đơn; người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng các đương sự vắng mặt nên xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng những tài liệu, chứng cứ kèm theo đủ cơ sở xác định: Vào ngày 06/3/2017 ông Lê Văn S, bà Trần Thị D và Ngân hàng TMCP ĐC VN - chi nhánh Tây Đô – Phòng giao dịch Cờ Đỏ đã ký Hợp đồng cho vay số 103/2017/HĐTD/PVB-PGDĐ cùng khế ước nhận nợ số 103/2017/KUNN/PVB-PGDĐ ngày 07/3/2017 để vay số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), thời hạn vay 12 tháng; lãi suất áp dụng tại thời điểm giải ngân là 10,5%/năm, cố định trong 03 tháng đầu tiên kể từ ngày bên vay nhận nợ, sau đó điều chỉnh 03 tháng/lần + biên độ 3%/năm; mục đích vay vốn để kinh doanh lúa gạo.

Để đảm bảo khoản vay, ông S và bà D đã ký với Ngân hàng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 103/2017/HĐBĐ/PVB-PGDĐ ngày 06/3/2017 để thế chấp các tài sản là 06 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gồm các thửa đất số 1298, 239, 242, 1031, 619, 1032, đất tọa lạc tại ấp Đông Thắng A, xã Đông Bình, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ do ông Lê Văn S đứng tên sử dụng.

Như vậy, có căn cứ xác định quan hệ vay tài sản bằng hình thức thế chấp giữa ông Lê Văn S, bà Trần Thị D với Ngân hàng TMCP ĐC VN theo quy định tại Điều 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323 và Điều 463 Bộ luật Dân sự. Từ khi giao kết hợp đồng đến nay, bị đơn chỉ thanh toán được một phần nợ gốc và lãi cho nguyên đơn. Sau đó, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán như thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự.

Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Lê Văn S và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Trần Thị D có nghĩa vụ thanh toán tiền nợ theo Hợp đồng cho vay số 103/2017/HĐTD/PVB-PGDĐ và Khế ước nhận nợ số 103/2017/KUNN/PVB-PGDĐ ngày 07/3/2017 cho Ngân hàng TMCP ĐC VN.

[4] Đối với bị đơn cho rằng không biết việc Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ nhưng chỉ trình bày, phía Ngân hàng có cung cấp cho Tòa án các thông tin vận đơn đã gửi đến bị đơn các thông báo về việc niêm yết tài sản đấu giá, kết quả xử lý tài sản nhằm thu hồi khoản nợ của ông S, bà D. Quá trình làm việc, Tòa án cũng đã có giải thích việc bị đơn có quyền phản tố nhưng bị đơn không thực hiện. Tòa án cũng đã tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng nhưng bị đơn cũng không có mặt.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí. Bị đơn là người trên 60 tuổi nên không phải chịu án phí.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát như đã nêu trên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323 và Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng.

Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần ĐC VN.

2. Buộc ông Lê Văn S, những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Trần Thị D là Lê Văn L, Lê Bình T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP ĐC VN số tiền tính ngày 31/01/2024, bao gồm: Nợ gốc là 5.163.556 đồng, nợ lãi trong hạn 3.194.445 đồng, lãi quá hạn 271.070.902 đồng, lãi chậm trả 2.246.250 đồng, tổng cộng 281.675.153 đồng (hai trăm tám mươi một triệu sáu trăm bảy mươi lăm ngàn một trăm năm mươi ba đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo Hợp đồng cho vay số 103/2017/HĐTD/PVB-PGDĐ ngày 06/3/2017 và Khế ước nhận nợ số 103/2017/KUNN/PVB-PGDĐ ngày 07/3/2017.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Ngân hàng TMCP ĐC VN được nhận lại số tiền 11.250.000 đồng (mười một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số 0005847 ngày 20/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai, TP Cần Thơ.

3.2. Bị đơn không phải chịu án phí.

4. Trong hạn 15 ngày: kể từ ngày tuyên án nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án; Đối với bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND H. Thới Lai;
- Chi cục THADS H. Thới Lai;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Tuấn Kiệt

